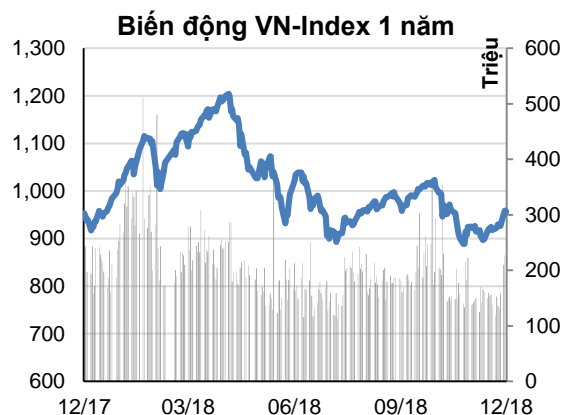


Biến động thị trường

	05/12	1T (%)	3T (%)
VN Index	957	3.4%	-1.2%
GTGD	4,834	(Tỷ đồng)	
Khối ngoại mua ròng	-17	(Tỷ đồng)	

Nguồn: Bloomberg-Finpro



Trái phiếu và Hàng hóa

	05/12	1T	3T
Lãi suất TPCP 1 năm	4.100%	4.268%	4.263%
Lãi suất TPCP 3 năm	4.395%	4.520%	4.515%
Lãi suất TPCP 10 năm	5.175%	5.205%	5.188%
Dầu WTI (\$/thùng)	52.8	63.1	68.72
Vàng (\$/oz)	1,236	1,232	1,197

Nguồn: Bloomberg

Phạm Tấn Phát

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1468

phat.pt@kisvn.vn

www.kisvn.vn

Trần Trương Mạnh Hiếu

(+84 28) 3914 8585 - Ext: 1464

hieu.ttm@kisvn.vn

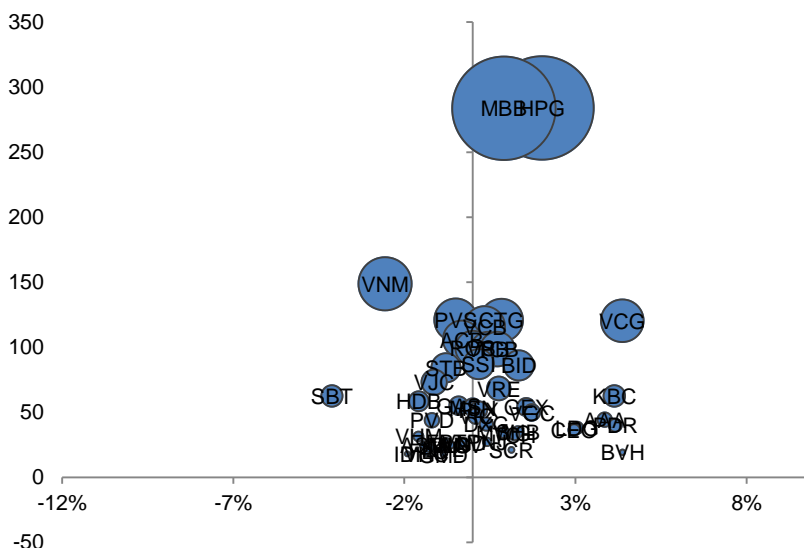
www.kisvn.vn

Thị trường có sự phân hóa

- Thị trường chứng khoán rung lắc khi nhóm vốn hóa lớn có sự phân hóa. VN-Index giảm 0.18% về mức 957 điểm nhưng HNX-Index lại tăng trưởng 0.33%. Thanh khoản đạt 154 triệu cổ phiếu khớp lệnh tương đương 3,364 tỷ đồng giá trị.
- Độ rộng thị trường tỏ ra khá cân bằng với số lượng mã tăng và giảm gần bằng nhau, 143 mã tăng và 142 mã giảm. Thực phẩm thiết yếu và dầu khí điều chỉnh với áp lực bán trên VNM (-2.6%), SAB (-1.0%), GAS (-0.4%), PVD (-1.2%) và PVT (-1.5%).
- Chiều ngược lại, bảo hiểm và ngân hàng có diễn biến tích cực dẫn dắt thị trường nhờ BVH, VCB, BID, CTG, TCB, MBB và VPB. Thêm vào đó, một số cổ phiếu bluechip như BMP, HPG, MWG và VRE cũng đi ngược xu hướng chung giúp chỉ số thu hẹp đà tăng.
- Khối ngoại quay lại bán ròng với giá trị 17 tỷ đồng trên HSX. Khối này tập trung bán ra các mã HPG và ANV với giá trị 36 tỷ đồng và 10 tỷ đồng. Ở chiều mua, VNM, STB và VIC được mua vào nhiều nhất.

Nhận định thị trường: Bất chấp sự điều chỉnh của VN-Index, xu hướng tăng ngắn hạn được duy trì. Dòng tiền vẫn có xu hướng chảy vào một số cổ phiếu bluechip. Vì thế, nhà đầu tư có thể gia tăng tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục bằng tiền mặt và tập trung vào nhóm cổ phiếu dẫn dắt.

Bản đồ giao dịch



Chú thích: trục ngang – biến động giá, trục dọc – giá trị giao dịch (tỷ đồng)

Phân tích kỹ thuật

VN-Index

Hỗ trợ 1: 940-945

Kháng cự 1: 960-964

Hỗ trợ 2: 880-890

Kháng cự 2: 1,020-1,030

Quan điểm kỹ thuật 20 ngày - VN-Index



VN-Index có phiên rung lắc tích cực tại đường trendline kháng cự 960 điểm. Dòng tiền vẫn duy trì trên trung bình 10 phiên gần đây khi đạt 154 triệu đơn vị.

Ở góc độ ngắn hạn (20 ngày), chỉ số đang tiếp tục nổi dài xu hướng hồi phục từ vùng đáy đầu tháng 11 tương ứng 895 điểm. Cây nến phiên hôm nay phản ánh tín hiệu của nhịp rung lắc bình thường. Các chỉ báo kỹ thuật như RSI và MACD tiếp tục duy trì xu hướng tăng ngắn hạn. Khả năng nhịp rung lắc sẽ tiếp diễn khi đường kênh xu hướng giảm vẫn đang phát huy hiệu lực. Chúng tôi kỳ vọng chỉ số sẽ đi ngang trong biên độ 945-964 điểm.

Ở góc độ trung hạn, VN-Index đang đi ngang kể từ giữa tháng 05/2018 cho tới nay. Với kịch bản này, chúng tôi kỳ vọng VN-Index có thể tiếp tục đi ngang trong biên độ vùng 920-985 điểm.

Hành động

Các tín hiệu tăng ngắn hạn vẫn duy trì. Nhà đầu tư được khuyến nghị tiếp tục nắm giữ các cổ phiếu đang trong xu hướng tăng. Có thể xem xét gia tăng tỷ trọng bằng tiền mặt ở nhịp rung lắc với hỗ trợ tại 945 điểm.

Thống kê thị trường

SÀN GIAO DỊCH HSX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
VN-Index	957	-1.70	-0.2%	SL CP tăng giá	143
KLGD ('000 cổ phiếu)	212,455	-14,963	-6.6%	SL CP giảm giá	142
GTGD (tỷ VND)	4,834	-195	-3.9%	SL CP không đổi	89

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
BVH	102,500	4,300	0.94
BID	33,850	450	0.48
HPG	35,300	700	0.46
CTG	24,100	200	0.23
VCB	57,800	200	0.23

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
VNM	133,000	-3,500	-1.902
VHM	80,700	-1,300	-1.359
SAB	245,500	-2,500	-0.500
VJC	131,400	-1,500	-0.254
GAS	96,100	-400	-0.239

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
HPG	35,300	8.09	284.0
MBB	22,200	12.89	283.8
VNM	133,000	1.11	148.8
CTG	24,100	5.06	120.7
VCB	57,800	2.01	115.7

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD không thiết yếu	1.2%	0.08
Nguyên vật liệu	1.0%	0.38
Tài chính	0.8%	2.11
Công nghiệp	0.3%	-0.18

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD thiết yếu	-1.3%	-2.63
Khác	-1.3%	-0.04
CNTT	-0.6%	-0.06
Y Tế	-0.6%	-0.06
Bất động sản	-0.4%	-1.18

SÀN GIAO DỊCH HNX

		Tăng / Giảm	Tăng / Giảm (%)	Thống kê tăng/giảm	
HNX-Index	108	0.35	0.3%	SL CP tăng giá	112
KLGD ('000 cổ phiếu)	41,884	7,499	21.8%	SL CP giảm giá	66
GTGD (tỷ VND)	639	125	24.3%	SL CP không đổi	192

Top 5 cổ phiếu Leader

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
SHB	7,700	100	0.11
VGC	17,700	300	0.06
VCG	21,500	900	0.06
DNP	15,000	1,000	0.05
CEO	13,900	400	0.04

Top 5 cổ phiếu Laggard

Mã CP	Giá	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	VND	VND	Điểm
ACB	31,000	-100	-0.13
DGC	48,100	-1,900	-0.08
PVS	20,100	-100	-0.02
VHL	27,600	-2,400	-0.02
SHN	10,000	-100	-0.01

Top 5 CP thanh khoản (GD khớp lệnh)

Mã CP	Giá	KLGD	GTGD
	VND	triệu cp	tỷ đồng
PVS	20,100	6.05	120.9
VCG	21,500	5.60	120.3
ACB	31,000	3.44	106.0
VGC	17,700	2.84	49.8
CEO	13,900	2.60	36.3

Top 5 Ngành Tăng

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
TD không thiết yếu	33.6%	0.00
Dịch vụ tiện ích	18.4%	0.01
Công nghiệp	7.3%	0.27
CNTT	7.0%	0.00
TD thiết yếu	6.9%	-0.09

Top 5 Ngành Giảm

Ngành	Tăng/ Giảm	Tác động Index
	%	Điểm
Khác	-0.1%	0.00

Giao dịch khối ngoại

HOSE

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
VNM	133,000	85.4	49.2	36.2
STB	12,700	17.5	1.9	15.6
VIC	102,100	73.5	60.6	12.9
VCB	57,800	14.2	1.4	12.8
SSI	29,500	15.5	5.5	10.0

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
HPG	35,300	89.2	125.2	-36.1
ANV	28,900	0.1	10.2	-10.0
HDB	31,200	14.6	24.1	-9.5
VHM	80,700	46.0	55.4	-9.4
VHC	102,000	1.0	10.2	-9.2

HNX

Top 5 CP nước ngoài mua ròng

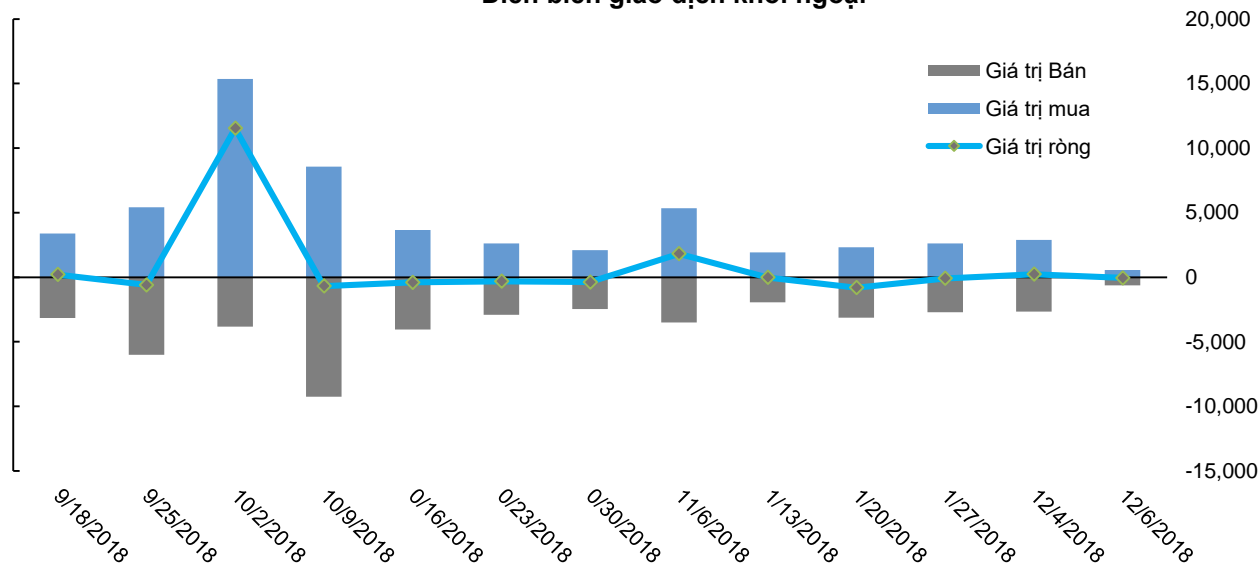
Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
TTZ	7,500	0.6	0.0	0.6
VGC	17,700	1.7	1.6	0.1
LAS	11,500	0.1	0.0	0.1
LHC	63,400	0.1	0.0	0.1
CEO	13,900	0.1	0.1	0.0

Top 5 CP nước ngoài bán ròng

Mã CP	Giá CP	GT mua	GT bán	Mua ròng
	VND	Tỷ đồng	Tỷ đồng	Tỷ đồng
PVS	20,100	5.9	34.5	-28.5
PGT	4,200	0.0	3.8	-3.8
CSC	19,100	0.0	1.5	-1.5
HUT	4,200	0.0	1.4	-1.4
TC6	5,600	0.0	0.9	-0.9

(tỷ đồng)

Diễn biến giao dịch khối ngoại



Thị trường phái sinh

Quan điểm kỹ thuật VN30-Index

Hỗ trợ 1: 815-921

Kháng cự 1: 930

Hỗ trợ 2: 860-870

Kháng cự 2: 943



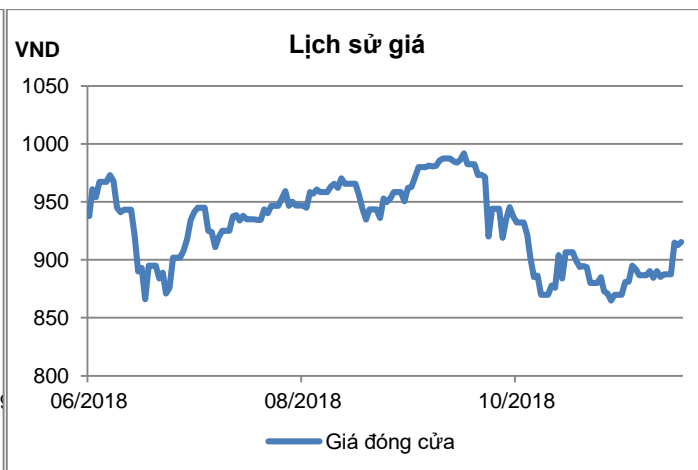
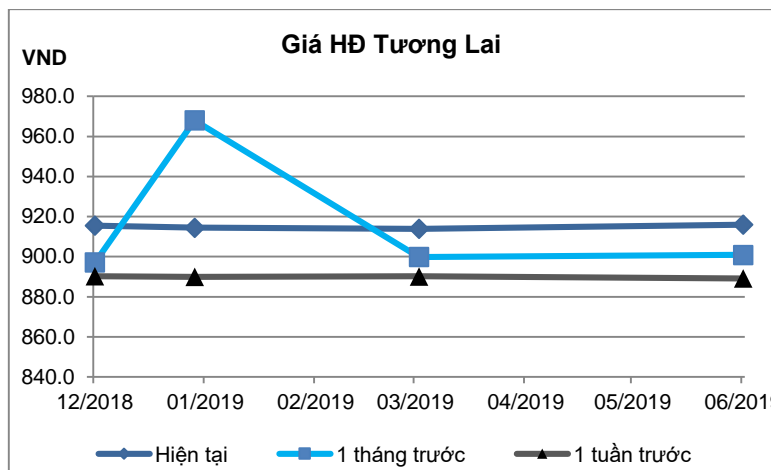
Nhận định xu hướng: VN30-Index rung lắc trong phiên hôm nay. Tuy nhiên, cây nến phản ánh một nhịp rung lắc bình thường. Xu hướng tăng hiện tại vẫn đang hiện diện. Khả năng chỉ số sẽ nối dài đà tăng để hướng về ngưỡng Fibonacci 61.8%. Hỗ trợ cho đà tăng quanh 915-921 điểm.

Chiến lược đầu tư: Hành động đầu tư theo xu hướng (long) có thể tiếp tục cân nhắc tại các ngưỡng hỗ trợ. Tuy nhiên, nhà đầu tư cần hạn chế mua đuổi theo giá và giữ lệnh qua đêm.

- Long VN30F1812 với điểm vào 912-913 điểm. Mục tiêu 919 điểm. Dừng lỗ 909.5 điểm.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

	Giá đóng cửa	+/-	+/- %	KLGD	KL Mờ	Ngày thanh toán cuối cùng	Thời gian còn lại
	Đơn vị: Điểm	Điểm	%	cp/hợp đồng	hợp đồng		ngày
VN30 Index	926	-1.8	-0.2%	52,507,190			
VN30F1812	916	2.7	0.3%	157,723	16,922	20/12/2018	17
VN30F1901	915	2.0	0.2%	634	326	17/01/2019	45
VN30F1903	914	0.9	0.1%	167	184	21/03/2019	108
VN30F1906	916	1.0	0.1%	164	120	20/06/2019	199



DANH SÁCH CP CHỈ SỐ VN30

Mã CP	Tên	Ngành	Tỷ trọng	Giá đóng cửa	Vốn hóa	PER	PBR	KLGD 3 tháng	SH Nước Ngoài	Cao 52 Tuần	Thấp 52 Tuần
		Đơn vị:	%	VND	Tỷ VND	x	x	'000 cp	%	VND	VND
BMP	CTCP Nhựa Bình Minh	Công nghiệp	0.4%	58,500	4,789	10.5	1.9	174	77%	97,200	51,200
CII	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	Công nghiệp	0.8%	26,400	6,460	79.5	1.3	651	55%	39,500	22,600
CTD	CTCP Xây dựng Cotecccons	Công nghiệp	1.2%	157,000	12,277	7.8	1.5	113	44%	233,100	120,400
CTG	NH TMCP Công thương Việt Nam	Tài chính	1.5%	24,100	89,734	11.7	1.3	4,360	30%	38,250	19,950
DHG	CTCP Dược Hậu Giang	Chăm sóc sức khỏe	0.5%	84,000	10,983	20.8	3.7	161	49%	118,000	81,000
DPM	TCT CP Phân bón và Hóa chất Dầu khí	Nguyên vật liệu	0.6%	21,200	8,296	14.2	1.0	551	21%	26,600	16,100
FPT	CTCP FPT	CNTT	3.5%	44,600	27,365	8.4	2.3	690	49%	56,957	38,500
GAS	TCT Khí Việt Nam	Dịch vụ tiện ích	1.6%	96,100	183,931	14.8	4.3	500	3%	136,400	70,000
GMD	CTCP Gemadept	Công nghiệp	1.2%	28,600	8,492	4.5	1.5	1,240	49%	39,473	23,000
HPG	CTCP Tập đoàn Hòa Phát	Nguyên vật liệu	7.8%	35,300	74,974	8.1	1.9	5,180	39%	48,429	27,143
HSG	CTCP Tập đoàn Hoa Sen	Nguyên vật liệu	0.3%	7,160	2,756	6.7	0.5	4,978	16%	26,136	6,300
KDC	CTCP Tập đoàn KIDO	Hàng tiêu dùng thiết yếu	0.5%	24,550	5,049	N/A	0.8	169	22%	45,800	24,300
MBB	NH TMCP Quân đội	Tài chính	4.6%	22,200	47,962	9.4	1.5	5,661	20%	31,471	18,782
MSN	CTCP Tập đoàn Masan	Hàng tiêu dùng thiết yếu	7.6%	84,100	97,821	15.5	5.0	826	40%	118,000	66,000

MWG	CTCP Đầu tư Thế Giới Di Động	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4.3%	88,800	38,219	13.7	4.7	665	49%	102,378	73,502
NVL	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	3.7%	67,300	61,072	28.4	3.5	489	8%	78,800	46,565
PLX	Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	Năng lượng	1.2%	60,800	70,456	18.5	3.6	703	11%	95,500	51,800
PNJ	CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận	Hàng tiêu dùng không thiết yếu	2.3%	95,400	15,468	17.6	4.6	466	49%	138,733	75,000
REE	CTCP Cơ điện Lạnh	Công nghiệp	1.0%	33,400	10,356	6.6	1.2	516	49%	44,750	29,150
ROS	CTCP Xây dựng FLC FAROS	Công nghiệp	0.9%	36,100	20,490	27.9	3.6	1,603	2%	151,417	35,000
SAB	TCT CP Bia - Rượu - Nước Giải khát Sài Gòn	Hàng tiêu dùng thiết yếu	4.1%	245,500	157,435	35.6	9.5	36	10%	338,000	193,800
SBT	CTCP Thành Thành Công - Biên Hòa	Hàng tiêu dùng thiết yếu	1.0%	19,800	9,809	22.8	1.6	3,018	11%	24,600	13,300
SSI	CTCP Chứng khoán Sài Gòn	Tài chính	1.5%	29,500	14,726	10.2	1.6	2,794	58%	44,400	24,850
STB	NH TMCP Sài Gòn Thương Tín	Tài chính	3.8%	12,700	22,906	17.1	1.0	7,980	12%	17,300	9,670
VCB	NH TMCP Ngoại thương Việt Nam	Tài chính	3.6%	57,800	207,951	17.2	3.4	1,434	21%	76,500	41,600
VIC	Tập đoàn Vingroup	Bất động sản	10.8%	102,100	325,865	74.7	5.9	860	9%	113,058	57,025
VJC	CTCP Hàng không Vietjet	Công nghiệp	6.1%	131,400	71,168	13.9	6.7	664	24%	191,167	104,167
VNM	CTCP Sữa Việt Nam	Hàng tiêu dùng thiết yếu	10.5%	133,000	231,609	26.6	9.1	907	59%	179,167	111,500
VPB	NH Viet Nam Thịnh Vượng	Tài chính	7.2%	22,500	55,277	8.0	1.8	4,038	23%	43,259	18,850
VRE	CTCP Vincom Retail	Bất động sản	6.0%	32,950	76,735	51.0	2.9	1,865	32%	50,204	27,918

Lịch sự kiện

Ngày GDKHQ	Mã	Sàn	Nội dung sự kiện
06/12/2018	LAS	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (700đ/cp)
06/12/2018	CSV	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2018 (1,000 đ/cp)
07/12/2018	VHC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (2,000 đ/cp)
07/12/2018	SRC	HSX	Tạm ứng cổ tức năm 2018 (300 đ/cp)
07/12/2018	FTI	Upcom	Lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản
07/12/2018	SMB	HSX	Chi tạm ứng cổ tức năm 2018 (2,000 đ/cp)
07/12/2018	SJD	HSX	Chi trả cổ tức năm 2017 (4,500 đ/cp)
07/12/2018	HNI	Upcom	Trả cổ tức bằng tiền mặt (2,000đ/cp)
07/12/2018	TTZ	HNX	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018
07/12/2018	DAE	HNX	Trả cổ tức bằng tiền mặt (1,600đ/cp)
07/12/2018	BMP	HSX	Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2018 (1,500 đ/cp)
07/12/2018	HND	Upcom	Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2018

Liên hệ

Trụ sở chính

Tòa nhà TNR
Tầng 3, 180-192 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP.HCM.
ĐT: (+84 28) 3914 8585
Fax: (+84 28) 3821 6899

Chi nhánh Hà Nội

Tòa nhà CTM
Tầng 6, 299 Cầu Giấy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: (+84 24) 3974 4448
Fax: (+84 24) 3974 4501

Phòng khách hàng định chế

Lâm Hạnh Uyên

Trưởng phòng khách hàng Định chế
(+84 28) 3914 8585 (x1444)
uyen.lh@kisvn.vn

Khuyến cáo

Bản báo cáo này do **Công ty Cổ phần Chứng khoán KIS Việt Nam (KIS)** phát hành với sự đóng góp của các chuyên gia của KIS được nêu trong báo cáo. Báo cáo này được viết nhằm mục đích cung cấp thông tin cho khách hàng là các tổ chức đầu tư, các chuyên gia hoặc các khách hàng cá nhân của KIS tại Việt Nam.

Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào ý kiến tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh.

Khi viết bản báo cáo này, chúng tôi dựa vào các nguồn thông tin công khai và các nguồn thông tin đáng tin cậy khác, và chúng tôi giả định các thông tin này là đầy đủ và chính xác, mặc dù chúng tôi không tiến hành xác minh độc lập các thông tin này. KIS không đưa ra - một cách ẩn ý hay rõ ràng - bất kỳ đảm bảo, cam kết hay khai trình nào và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác và đầy đủ của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này.

Các nhận định, đánh giá và dự đoán trong báo cáo này được đưa ra dựa trên quan điểm chủ quan của chúng tôi vào thời điểm đưa ra báo cáo này và có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần báo trước.

KIS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện các dịch vụ tư vấn đầu tư hoặc tiến hành các công việc kinh doanh khác cho các công ty được đề cập đến trong báo cáo này. Ngoài ra, KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có liên quan đến việc viết hay phát hành báo cáo này có thể đã, đang và sẽ mua hoặc bán có kỳ hạn chứng khoán hoặc chứng khoán phái sinh (bao gồm quyền chọn) của các công ty được đề cập trong báo cáo này, hoặc chứng khoán hay chứng khoán phái sinh của công ty có liên quan theo cách phù hợp hoặc không phù hợp với báo cáo và các ý kiến nêu trong báo cáo này. Vì thế, nhà đầu tư nên ý thức rằng KIS cũng như các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên của KIS có thể có xung đột lợi ích mà điều đó có thể ảnh hưởng đến nhận định.

Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của KIS.